



Văn phòng Quốc hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	1.923
	VỐN TRONG NƯỚC	1.923
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.923



Văn phòng Trung ương Đảng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	4.708.739
	VỐN TRONG NƯỚC	4.708.739
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.708.739



Văn phòng Chính phủ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	275.331
	VỐN TRONG NƯỚC	275.331
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	275.331



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	718.320
	VỐN TRONG NƯỚC	718.320
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	718.320
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	60.000

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.





Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	398.219
	VỐN TRONG NƯỚC	398.219
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	398.219



Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	603.853
	VỐN TRONG NƯỚC	603.853
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	603.853



Bộ Ngoại giao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	140.523
I	VỐN TRONG NƯỚC	100.500
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	100.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	40.023
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	40.023



Bộ Tư pháp

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	237.661
	VỐN TRONG NƯỚC	237.661
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	237.661
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	113.591

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Bộ Tài chính

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	7.670.053
	VỐN TRONG NƯỚC	7.670.053
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	7.670.053
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	7.109.703

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	6.699.528
I	VỐN TRONG NƯỚC	5.555.796
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	5.555.796
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.143.732
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.143.732



Bộ Công Thương

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	59.669
	VỐN TRONG NƯỚC	59.669
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	59.669
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	6.446

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Bộ Xây dựng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	133.842.499
I	VỐN TRONG NƯỚC	130.981.700
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	130.981.700
	Trong đó:	
-	Tiết kiệm 5% chi đầu tư công nguồn NSTW để đầu tư vào công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	15.110.385
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	2.860.799
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.860.799



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	63.093
	VỐN TRONG NƯỚC	63.093
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	63.093
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	46.758

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	1.329.418
I	VỐN TRONG NƯỚC	645.310
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	645.310
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	684.108
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	684.108



Bộ Y tế

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	2.704.893
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.183.763
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.183.763
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	521.130
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	521.130



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	1.404.015
	VỐN TRONG NƯỚC	1.404.015
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.404.015
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	81.299

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Bộ Nội vụ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	476.761
	VỐN TRONG NƯỚC	476.761
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	476.761
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	370.688

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Thanh tra Chính phủ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	117.140
	VỐN TRONG NƯỚC	117.140
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	117.140
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	112.390

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	190
	VỐN TRONG NƯỚC	190
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	190



Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	6.047
	VỐN TRONG NƯỚC	6.047
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	6.047
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	1.250

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	36.664
	VỐN TRONG NƯỚC	36.664
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	36.664
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	35.714

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	1.397.018
I	VỐN TRONG NƯỚC	397.018
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	397.018
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	254.518
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.000.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.000.000

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Thông tấn xã Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	71.695
	VỐN TRONG NƯỚC	71.695
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	71.695
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	60.000

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Đài tiếng nói Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	7.600
	VỐN TRONG NƯỚC	7.600
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	7.600



Đài Truyền hình Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	4.650
	VỐN TRONG NƯỚC	4.650
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.650
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	3.700

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	88.230
	VỐN TRONG NƯỚC	88.230
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	88.230
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	76.830

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	48.638
	VỐN TRONG NƯỚC	48.638
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	48.638



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	927.959
I	VỐN TRONG NƯỚC	332.242
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	332.242
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	44.650
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	595.717
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	595.717

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	2.040.760
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.125.149
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.125.149
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	905.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	915.611
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	915.611

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	847.400
	VỐN TRONG NƯỚC	847.400
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	847.400



Ngân hàng Chính sách xã hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	4.275.000
	VỐN TRONG NƯỚC	4.275.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.275.000



Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	190
	VỐN TRONG NƯỚC	190
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	190



Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	3.800.000
	VỐN TRONG NƯỚC	3.800.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	3.800.000



Tuyên Quang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	3.617.600
		3.126.400
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.476.800
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.530.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	69.600
		491.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	28.500
I	VỐN TRONG NƯỚC	28.500
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	462.700
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	462.700
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	



Cao Bằng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	5.715.548
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.083.300
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	895.300
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	170.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.632.248
	VỐN TRONG NƯỚC	4.632.248
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.632.248
	<i>Trong đó:</i>	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	4.406.197

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Lạng Sơn

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	2.260.394
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.731.900
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	860.900
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	850.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	528.494
I	VỐN TRONG NƯỚC	483.395
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	483.395
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	45.099
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	45.099



Lào Cai

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	7.369.073
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.850.700
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.394.500
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.355.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	31.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	518.373
I	VỐN TRONG NƯỚC	114.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	114.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	404.373
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	404.373



Thái Nguyên

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	6.584.811
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.186.400
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.431.600
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.675.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	45.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	34.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	398.411
	VỐN NƯỚC NGOÀI	398.411
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	398.411



Phụ Thợ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	19.908.540
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	17.226.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.885.500
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	11.245.500
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	95.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.682.540
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.185.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.185.000
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	1.282.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	497.540
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	497.540

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Sơn La

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	2.048.600
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.924.400
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.012.300
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	850.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	58.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	4.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	124.200
	VỐN NƯỚC NGOÀI	124.200
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	124.200



Lai Châu

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	1.849.786
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	875.300
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	690.600
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	153.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.500
-	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	200
-	Đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP	6.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	974.486
I	VỐN TRONG NƯỚC	884.486
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	884.486
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	90.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	90.000



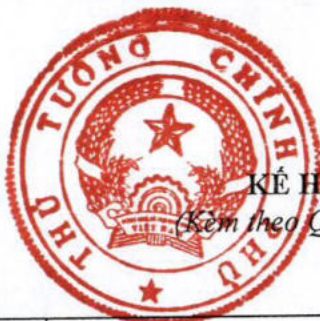
Điện Biên

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	1.983.296
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.157.500
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	760.000
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	255.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	107.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	825.796
I	VỐN TRONG NƯỚC	456.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	456.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	369.796
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	369.796



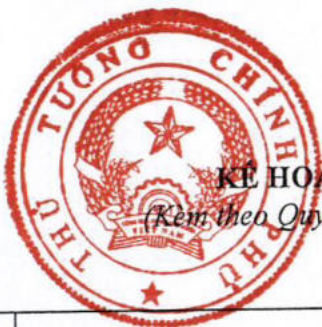
Thành phố Hà Nội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	125.930.190
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	120.826.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	35.977.400
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	82.875.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	425.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.548.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.104.190
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.900.471
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	3.900.471
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.203.719
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.203.719



Thành phố Hải Phòng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	38.756.443
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	36.741.500
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	6.114.700
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	28.960.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	123.000
-	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	176.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.367.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.014.943
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.000.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.000.000
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	2.000.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	14.943
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	14.943

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Quảng Ninh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	20.543.600
	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	20.543.600
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	6.080.600
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	14.400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	58.000
-	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	5.000



Hung Yên

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	43.071.700
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	42.542.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.338.000
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	40.120.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	84.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	529.700
I	VỐN TRONG NƯỚC	475.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	475.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	54.700
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	54.700



Bắc Ninh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	16.583.300
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15.158.300
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.034.800
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	11.058.500
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	65.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.425.000
	VỐN TRONG NƯỚC	1.425.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.425.000
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	1.425.000

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Ninh Bình

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	34.715.650
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	32.840.300
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.170.200
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	27.370.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	140.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	160.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.875.350
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.771.750
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.771.750
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	103.600
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	103.600



Thanh Hóa

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	13.503.385
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.235.800
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.680.100
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	11.390.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	41.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	124.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	267.585
	VỐN NƯỚC NGOÀI	267.585
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	267.585



Nghệ An

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	12.584.811
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.233.800
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.632.400
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.270.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	281.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.351.011
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.904.161
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	3.904.161
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	3.800.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	446.850
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	446.850

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Hà Tĩnh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	5.626.432
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.656.200
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	707.200
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.927.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	2.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	970.232
I	VỐN TRONG NƯỚC	313.500
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	313.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	656.732
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	656.732



Quảng Trị

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	4.686.842
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.113.300
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	953.400
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.975.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	145.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	39.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	573.542
I	VỐN TRONG NƯỚC	260.505
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	260.505
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	150.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	313.037
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	313.037

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Thành phố Huế

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	5.569.300
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.550.800
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	802.300
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.485.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	145.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	118.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.018.500
I	VỐN TRONG NƯỚC	902.500
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	902.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	116.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	116.000



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	15.053.723
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.796.300
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	7.146.200
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.920.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	400.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	330.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.257.423
I	VỐN TRONG NƯỚC	694.604
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	694.604
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	330.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	562.819
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	562.819

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Quảng Ngãi

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	6.820.615
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.862.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.950.000
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.635.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	277.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	958.615
I	VỐN TRONG NƯỚC	908.447
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	908.447
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	285.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	50.168
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	50.168

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Khánh Hòa

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	15.411.945
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.454.900
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.767.500
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	9.180.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	450.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	57.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.957.045
	VỐN TRONG NƯỚC	1.957.045
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.957.045



Đắk Lắk

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	9.213.575
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.810.500
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.507.100
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.675.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	400.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	228.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.403.075
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.927.495
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.927.495
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	178.220
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	475.580
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	475.580

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



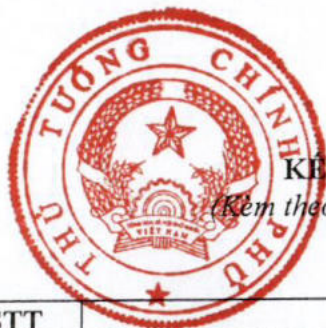
Gia Lai

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	13.182.731
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.061.800
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.718.900
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	9.690.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	390.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	262.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.120.931
I	VỐN TRONG NƯỚC	665.383
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	665.383
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	455.548
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	455.548



Lâm Đồng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	14.241.455
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.232.900
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.719.900
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.675.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	5.700.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	138.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.008.555
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.708.638
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.708.638
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	299.917
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	299.917



Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	147.599.166
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	144.078.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	45.060.300
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	72.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	11.000.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	16.017.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.521.166
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.036.979
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	3.036.979
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	484.187
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	484.187



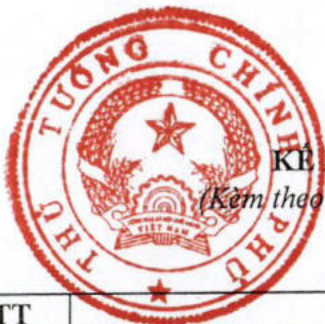
Đồng Nai

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	27.162.382
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26.273.200
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	6.014.100
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	15.200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.060.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	999.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	889.182
I	VỐN TRONG NƯỚC	882.182
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	882.182
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	7.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	7.000



Tây Ninh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	31.048.700
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.236.200
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.176.200
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	11.200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.860.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	12.812.500
	VỐN TRONG NƯỚC	12.812.500
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	12.812.500
	Trong đó:	
-	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV ⁽¹⁾	12.464.000
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	348.500

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Vĩnh Long

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	13.845.785
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.866.700
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.735.000
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.360.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.350.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	421.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.979.085
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.455.970
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.455.970
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.523.115
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.523.115



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	19.266.550
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.325.900
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.960.900
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.465.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	6.900.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.940.650
I	VỐN TRONG NƯỚC	6.648.061
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	6.648.061
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	292.589
	<i>Trong đó:</i>	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	292.589



An Giang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	27.303.105
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15.384.700
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.697.500
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.820.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.780.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	87.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	11.918.405
I	VỐN TRONG NƯỚC	11.803.405
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	11.803.405
	Trong đó:	
-	Nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ⁽¹⁾	161.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	115.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	115.000

Ghi chú:

(1) Số vốn NSTW tối thiểu phải bố trí.



Đồng Tháp

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	10.678.174
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.731.900
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.056.900
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.040.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.635.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.946.274
	VỐN TRONG NƯỚC	1.946.274
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.946.274



Cà Mau

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG SỐ	7.285.254
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.508.100
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.240.600
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	467.500
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.800.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	777.154
I	VỐN TRONG NƯỚC	692.154
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	692.154
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	85.000
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	85.000